

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
TÀI SẢN		
Tiền mặt	617.761	625.595
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.801.542	3.127.838
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	27.732.104	21.698.299
Tiền gửi	20.840.154	15.629.009
Cho vay	6.891.950	6.111.735
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	(42.445)
Chứng khoán kinh doanh	2.175.977	1.593.534
Chứng khoán kinh doanh	2.203.361	1.593.534
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(27.384)	-
Cho vay khách hàng	32.790.105	31.596.997
Cho vay khách hàng	33.686.286	32.331.495
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(896.181)	(734.498)
Chứng khoán đầu tư	16.964.853	7.045.421
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	17.045.494	7.045.421
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(80.641)	-
Tài sản cố định	41.562	75.675
Tài sản cố định hữu hình	41.562	75.675
Nguyên giá	240.934	302.938
Giá trị hao mòn lũy kế	(199.372)	(227.263)
Tài sản cố khác	1.169.501	897.402
Các khoản phải thu	88.841	64.081
Các khoản lãi, phí phải thu	831.657	574.811
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	132.382	171.188
Tài sản cố khác	116.621	87.322
TỔNG TÀI SẢN	84.293.405	66.660.761

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
NỢ PHẢI TRẢ		
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	6.959.215	7.645.292
Tiền gửi	6.959.215	7.612.012
Tiền vay	-	33.280
Tiền gửi của khách hàng	65.840.544	50.671.391
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	32.876	57.134
Các khoản nợ khác	1.166.033	1.663.301
Các khoản lãi, phí phải trả	141.737	256.075
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.024.296	1.342.023
Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	-	65.203
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	73.998.668	60.037.118
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ	10.294.737	6.623.643
Vốn góp	7.528.000	3.000.000
Các quỹ	1.175.598	1.057.579
Lợi nhuận chưa phân phối	1.591.139	2.566.064
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.294.737	6.623.643
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	84.293.405	66.660.761

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	8.584.759	7.161.507
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	3.524.696	2.678.116
Bảo lãnh khác	5.060.063	4.483.391
CÁC CAM KẾT KHÁC	15.882.898	14.108.321
Cam kết cho vay chưa giải ngân	1.940.787	1.150.413
Chấp nhận thanh toán	1.094.632	1.032.904
Các hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn	7.496.772	6.559.260
Các hợp đồng hoán đổi lãi suất	3.209.100	4.048.898
Các hợp đồng giao dịch hoán đổi tiền tệ chéo	2.141.607	1.316.846

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.181.587	3.799.608
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(765.486)	(1.201.962)
Thu nhập lãi thuần	2.416.101	2.597.646
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	769.988	729.593
Chi phí hoạt động dịch vụ	(144.783)	(169.436)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	625.205	560.157
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	488.590	489.588
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	5.503	45.968
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(80.641)	75.470
Lãi thuần từ hoạt động khác	15.974	15.636
Chi phí hoạt động	(1.985.852)	(1.766.653)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.484.880	2.017.812
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(439.451)	(562.383)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.045.429	1.455.429
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(192.694)	(432.316)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(38.806)	23.932
Chi phí thuế TNDN	(231.500)	(408.384)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	813.929	1.047.045

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM KẾT THÚC
 NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.923.675	3.767.484
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(879.824)	(1.214.726)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	623.101	556.142
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	520.976	605.281
(Chi phí khác phải trả)/thu nhập khác nhận được	(1.388)	441
Tiền thu được từ các khoản nợ đã được xử lý	17.493	16.678
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(1.936.419)	(1.752.961)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(268.675)	(532.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	998.939	1.446.023
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/giảm tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(374.875)	1.960.653
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư		
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(10.609.900)	411.824
Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.354.791)	(288.802)
(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động khác	(388.947)	(310.439)
	(22.838)	33.496
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Giảm tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(686.077)	(4.997.491)
Tăng tiền gửi của khách hàng	15.169.153	6.058.706
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	(24.258)	4.651
Giảm về công nợ hoạt động khác	(275.449)	(230.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.430.957	4.087.811
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(5.937)	(10.021)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	170	526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.767)	(9.495)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền nhận từ góp vốn	2.857.165	-
Lợi nhuận đã chia	-	(597.453)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.857.165	(597.453)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.282.355	3.480.863
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	19.385.979	15.905.116
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	24.668.334	19.385.979

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	31/12/2014 Triệu VND, %	31/12/2013 Triệu VND, %
Vốn điều lệ	7.528.000	3.000.000
Tổng tài sản	84.293.405	66.660.761
Tỷ lệ an toàn vốn (*)	16%	13%
Nợ quá hạn	1.452.037	2.467.669
Nợ xấu	972.151	1.093.673
Tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn vốn huy động (*)	100%	101%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	4,31%	7,63%
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	2,89%	3,38%
Hệ số thanh toán ngày (*)	53%	33%
Hệ số thanh toán trong 7 ngày tiếp theo (*)		
• VND	287%	219%
• EUR	770%	579%
• GBP	1,048%	521%
• USD và các đồng tiền khác	344%	196%

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Doanh số huy động tiền gửi	1.560.377.243	1.523.138.950
Doanh số cho vay	138.873.175	135.098.665
Doanh số thu nợ	137.424.639	134.900.789

(*) Các chỉ tiêu tài chính được tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20 tháng 5 năm 2010 ("Thông tư 13") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, được bổ sung và sửa đổi bởi các Thông tư số 19/2010/TT-NHNN ngày 27 tháng 9 năm 2010 ("Thông tư 19"), Thông tư số 22/2011/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2011 ("Thông tư 22") và Thông tư số 33/2011/TT-NHNN ngày 8 tháng 10 năm 2011 ("Thông tư 33"). Do đó, các chỉ tiêu tài chính và việc sử dụng các chỉ tiêu này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các yêu cầu của Thông tư 13, Thông tư 19, Thông tư 22 và Thông tư 33 về việc tính các chỉ tiêu tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người duyệt:

(Chữ ký)
 Nguyễn Thị Thanh Trúc
 Giám đốc Tài chính

(Chữ ký)
 Phạm Hồng Hải
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Kính gửi Nhà đầu tư
 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)

Báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các chỉ số tài chính, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đầy đủ tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 24 tháng 3 năm 2015. Báo cáo tài chính đầy đủ và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) đã được kiểm toán đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
 Việt Nam
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230
 Báo cáo kiểm toán số: 12-01-130-2014 (B)

(Chữ ký)
 Trương Vĩnh Phúc
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
 Kiểm toán số 1901-2013-007-1
 Phó Tổng Giám đốc

(Chữ ký)
 Nguyễn Anh Hưng
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
 Kiểm toán số 2206-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015

